

### MELSEC-A シリーズ 端子台

TB2	TB1
TB4	TB3
TB6	TB5
TB8	TB7
TB10	TB9
TB12	TB11
TB14	TB13
TB16	TB15
TB18	TB17
TB20	TB19
TB22	TB21
TB24	TB23
TB26	TB25
TB28	TB27
TB30	TB29
TB32	TB31
TB34	TB33
TB36	TB35
TB38	TB37

電圧入力と  
電流入力  
を混在して使  
用することは  
できません。

電圧入力と  
電流入力  
を混在して使  
用することは  
できません。

A.G.端子を使用する場合は、  
TB36、37に配線してください。

端子番号	信号名	端子番号	信号名
TB1	CH0	V+/+	
TB2		V-/	
TB3	CH1	V+/+	
TB4		V-/	
TB5	CH2	V+/+	
TB6		V-/	
TB7	CH3	V+/+	
TB8		V-/	
TB9	CH4	V+/+	
TB10		V-/	
TB11	CH5	V+/+	
TB12		V-/	
TB13	CH6	V+/+	
TB14		V-/	
TB15	CH7	V+/+	
TB16		V-/	
TB17	CH8	V+/+	
TB18		V-/	
TB19	CH9	V+/+	
TB20		V-/	
TB21	CHA	V+/+	
TB22		V-/	
TB23	CHB	V+/+	
TB24		V-/	
TB25	CHC	V+/+	
TB26		V-/	
TB27	CHD	V+/+	
TB28		V-/	
TB29	CHE	V+/+	
TB30		V-/	
TB31	CHF	V+/+	
TB32		V-/	
TB33	アキ		
TB34	アキ		
TB35	アキ		
TB36	アキ (A.G)		
TB37	アキ (A.G)		
TB38	FG		

端子番号	信号名	端子番号	信号名
TB1	CH1	V+/+	
TB2		V-/	
TB3	CH2	V+/+	
TB4		V-/	
TB5	CH3	V+/+	
TB6		V-/	
TB7	CH4	V+/+	
TB8		V-/	
TB9	CH5	V+/+	
TB10		V-/	
TB11	CH6	V+/+	
TB12		V-/	
TB13	CH7	V+/+	
TB14		V-/	
TB15	CH8	V+/+	
TB16		V-/	
TB17	A.G.		
TB18	FG		

端子番号	信号名	端子番号	信号名
TB1	CH1	V+/+	
TB2		V-/	
TB3	CH2	V+/+	
TB4		V-/	
TB5	CH3	V+/+	
TB6		V-/	
TB7	CH4	V+/+	
TB8		V-/	
TB9	CH5	V+/+	
TB10		V-/	
TB11	CH6	V+/+	
TB12		V-/	
TB13	CH7	V+/+	
TB14		V-/	
TB15	CH8	V+/+	
TB16		V-/	
TB17	A.G.		
TB18	FG		

変換アダプタ

### MELSEC-Q シリーズ 端子台 nスロットめ

TB2	TB1
TB4	TB3
TB6	TB5
TB8	TB7
TB10	TB9
TB12	TB11
TB14	TB13
TB16	TB15
TB18	TB17

### MELSEC-Q シリーズ 端子台 n+1スロットめ

TB2	TB1
TB4	TB3
TB6	TB5
TB8	TB7
TB10	TB9
TB12	TB11
TB14	TB13
TB16	TB15
TB18	TB17